

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NGỌC HỒI
TỈNH KON TUM**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2020/DS-ST

Ngày 07-8-2020

V/v: Tranh chấp hợp đồng mua bán tài
sản và hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGỌC HỒI, TỈNH KON TUM

- TH phân Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Trường Thọ.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Trịnh Khắc Long và bà Phan Thị Yến Phụng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Phương Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hồi.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Ngọc Hồi tham gia phiên tòa:
Bà Hiêng Thị Liên – Kiểm sát viên.

Trong ngày 07-8-2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hồi, tỉnh Kon Tum, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 155/2019/TLST-DS ngày 11-12-2019 về việc “*Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản và hợp đồng vay tài sản*”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2020/QĐXXST-DS ngày 12-6-2020 và các Quyết định hoãn phiên tòa số: 29/2020/QĐST-DS ngày 02-7-2020, số: 39/2020/QĐST-DS ngày 20-7-2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị TT, sinh năm, địa chỉ: Tổ dân phố V, thị trấn P, huyện N, tỉnh Kon Tum (Có mặt).

- Bị đơn: Anh Cao H, sinh năm, địa chỉ: tổ dân phố X, thị trấn P, huyện N, tỉnh Kon Tum (Vắng mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Chị Đào K; địa chỉ: tổ dân phố X, thị trấn P, huyện N, tỉnh Kon Tum (Vắng mặt).

+ Công ty TH; địa chỉ: Tổ dân phố X, thị trấn P, huyện N, tỉnh Kon Tum.
Người đại diện theo pháp luật: Anh Cao H – Giám đốc Công ty (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Tại đơn khởi kiện, đơn xin thay đổi, rút một phần yêu cầu khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn – chị Nguyễn Thị TT trình bày:* Vào ngày 02-10-2019, chị bán cho vợ chồng anh Cao H – chị Đào K chiếc xe ô tô biển kiểm soát 82C – 00595 với giá 280.000.000đồng. Khi mua bán, hai bên có lập “Giấy thỏa thuận về việc mua lại xe ô tô” và anh H trả trước 50.000.000đồng. Số tiền 230.000.000đồng còn lại hai bên thỏa thuận mỗi tháng anh H sẽ trả 30.000.000đồng, thời gian trả tính từ ngày lập giấy mua bán cho đến khi hết nợ. Cũng theo thỏa thuận, bị đơn phải trả số tiền lãi với mức lãi suất là 02%/tháng tương ứng với số tiền còn nợ.

Chiếc xe ô tô trên là của Công ty TH (gọi tắt: Công ty K H) bàn giao cho chị T để cản trừ khoản tiền mà Công ty mua vật liệu xây dựng còn nợ trước đó. Nhưng sau khi bàn giao xe, do Công ty còn nợ tiền thuế nên nguyên đơn không thể thực hiện thủ tục sang tên người sở hữu xe. Đến ngày 02-10-2019, giữa chị T với vợ chồng anh H thỏa thuận mua bán lại chiếc xe, như đã nêu trên.

Cũng trong ngày 02-10-2019, anh H có mượn chị T 4.300.000đồng để mua bình ắc quy cho xe ô tô. Khi vay mượn số tiền này, anh H hẹn sẽ trả ngay vào ngày hôm sau.

Tuy nhiên, cho đến nay mặc dù chị T đã đòi nhiều lần nhưng anh H, chị K vẫn không trả số tiền mua lại chiếc xe ô tô và khoản tiền đã vay mượn.

Vì vậy, chị T yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh Cao H phải trả các khoản gồm: Tiền mua ô tô còn nợ là 230.000.000đồng và tiền lãi đối với số tiền này kể từ ngày lập giấy mua bán cho đến khi xét xử sơ thẩm, theo mức lãi suất 1,66%/tháng; tiền vay mượn còn nợ là 4.300.000đồng và tiền lãi của số tiền này kể từ ngày vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho đến khi xét xử sơ thẩm, theo mức lãi suất 0,83%/tháng.

Chị T chỉ yêu cầu bị đơn trả số tiền nêu trên, không yêu cầu Tòa án xem xét đối với hợp đồng mua bán xe giữa hai bên, không yêu cầu xem xét lại việc giao xe để cản trừ nợ giữa chị với Công ty K H trước đây. Việc mua bán xe ô tô chỉ do một mình chị T giao dịch với vợ chồng anh H, tài sản trong vụ án là của riêng chị T.

- *Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, anh Cao H – bị đơn đồng thời là người đại diện theo pháp luật của Công ty K H trình bày:*

Anh H thừa nhận lời khai của chị T về việc mua bán xe ô tô và vay mượn tiền giữa hai bên, là đúng sự thật. Nay, Công ty K H và cá nhân anh H đề nghị chị T cho Công ty được thay vợ chồng anh H trả dần toàn bộ số tiền còn nợ chị T.

Cũng như phía nguyên đơn, anh H và Công ty K H không yêu cầu Tòa án xem xét hợp đồng mua bán xe giữa chị T với vợ chồng anh H, cũng không yêu cầu xem xét lại việc giao xe để cản trừ nợ giữa chị T với Công ty K H trước đây.

- *Đối với chị Đào K – người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Trong quá trình giải quyết vụ án, mặc dù Tòa án đã tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án và triệu tập tham gia tố tụng, nhưng chị K luôn vắng mặt không có lý do.

Tại phiên tòa:

- Chị Nguyễn Thị TT giữ nguyên yêu cầu khởi kiện như đã nêu trên. Anh Cao H, Công ty K H và chị Đào K, dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ngọc Hồi phát biểu ý kiến như sau:

+ Về việc tuân theo pháp luật: Trong quá trình chuẩn bị xét xử Thẩm phán, Thư ký đã thực hiện các thủ tục tiến H tố tụng đúng với quy định tại các Điều 26, 35, 68, 97, 98, 195, 203, 204, 220 và các quy định khác của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về xét xử sơ thẩm vụ án.

Về phía người tham gia tố tụng: Trong quá trình chuẩn bị xét xử cho đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án, nguyên đơn đã thực hiện các quyền, nghĩa vụ đúng quy định tại các Điều 70, 71 và 227 Bộ luật Tố tụng dân sự. Riêng bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chưa thực hiện đúng một số quyền, nghĩa vụ quy định tại các Điều 70, 72, 73 và 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Về quan điểm giải quyết vụ án: Áp dụng các Điều 26, 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 117, 357, 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; buộc anh Cao H phải trả cho chị Nguyễn Thị TT khoản tiền mua xe ô tô còn nợ là 230.000.000 đồng và tiền lãi đối với số tiền này là 38.816.000đồng; tiền vay còn nợ là 4.300.000đồng và tiền lãi của số tiền này là 361.848đồng. Về án phí: Áp dụng các Điều 144, 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, đề nghị buộc bị đơn phải chịu 13.738.924đồng án phí sơ thẩm; trả lại cho chị T số tiền đã nộp tạm ứng án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn – chị Nguyễn Thị TT khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết, buộc anh Cao H trả số nợ gốc, tiền lãi mua xe ô tô và tiền vay còn nợ. Do vậy, quan hệ pháp luật tranh chấp được xác định là: Tranh chấp về hợp đồng mua bán tài sản và hợp đồng vay tài sản, quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại thời điểm thụ lý vụ án, bị đơn cư trú tại địa bàn thị trấn Plei Kần, huyện Ngọc

Hội, nên thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hồi, theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về xác định tư cách tham gia tố tụng: Trong đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án ban đầu, chị T yêu cầu vợ chồng anh Cao H – chị Đào K trả toàn bộ số tiền có tranh chấp trong vụ án. Từ đó, Tòa án xác định anh H và chị K là đồng bị đơn, theo đúng quy định tại khoản 3 Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tuy nhiên, tại đơn xin thay đổi và rút một phần yêu cầu khởi kiện đề ngày 17-7-2020, chị T chỉ yêu cầu một mình anh H trả toàn bộ số tiền còn nợ. Việc thay đổi nội dung khởi kiện của nguyên đơn phù hợp với quy định tại Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự, phù hợp với thỏa thuận giữa các bên tại thời điểm xác lập hợp đồng mua bán xe, giấy mượn tiền; nên được chấp nhận. Do vậy, Hội đồng xét xử xác định lại tư cách tham gia tố tụng của chị Đào K là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

[3] Tại phiên tòa, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ 03 lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, nên Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến H xét xử vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[4] Về nội dung: Theo trình bày của nguyên đơn: Vào ngày 02-10-2019, chị T có bán cho vợ chồng anh H chiếc xe ô tô biển kiểm soát 82C – 00595 với giá 280.000.000đồng, anh H đã trả trước 50.000.000đồng. Số tiền còn lại hai bên thỏa thuận, mỗi tháng anh H trả 30.000.000đồng, thời gian trả tính từ ngày 02-10-2019 cho đến khi hết nợ. Cũng trong ngày 02-10-2019, anh H có mượn chị T 4.300.000đồng, hẹn sẽ trả ngay vào ngày hôm sau. Tuy nhiên, cho đến nay, bị đơn vẫn chưa trả cho chị T các khoản nợ nêu trên.

Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình, chị T đã cung cấp 01 “Giấy thỏa thuận về việc mua lại xe ô tô” và 01 giấy mượn tiền cùng đề ngày 02-10-2019. Nội dung hai giấy này phù hợp hoàn toàn với lời khai của nguyên đơn.

[5] Về phía bị đơn – trong quá trình giải quyết vụ án, anh H thừa nhận lời khai của chị T về việc mua bán xe và tiền vay còn nợ giữa hai bên là đúng sự thật. Bởi vậy, yêu cầu khởi kiện của chị T về việc buộc anh H trả khoản nợ gốc mua xe ô tô (230.000.000đồng) và tiền vay còn nợ (4.300.000đồng), thuộc trường hợp tình tiết, sự kiện không phải chứng minh, theo khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4.3] Về tiền lãi chậm trả nợ: Trong đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng ban đầu, chị Nguyễn Thị TT yêu cầu phía bị đơn phải trả lãi đối với toàn bộ số tiền mua ô tô và vay còn nợ với mức lãi suất 2%/tháng. Tuy nhiên, tại đơn xin thay đổi, rút một phần yêu cầu khởi kiện và tại phiên tòa, chị T chỉ yêu cầu anh H trả tiền lãi của từng khoản nợ cụ thể như sau: Đối với số tiền mua xe ô tô, anh H

phải trả lãi tính từ ngày 02-10-2019 đến ngày xét xử vụ án trên toàn bộ số tiền còn nợ với mức lãi suất là 1,66%/tháng. Đối với số tiền vay, tiền lãi tính từ ngày 04-10-2019 đến ngày xét xử vụ án, với mức lãi suất là 0,83%/tháng.

[4.4] Xét phần yêu cầu về tiền lãi trên của nguyên đơn là phù hợp với thỏa thuận giữa các bên đương sự tại giấy thỏa thuận mua bán xe ngày 02-10-2019 và giấy mượn tiền cùng ngày, phù hợp quy định tại Điều 440, khoản 1 Điều 468; khoản 4 Điều 466 Bộ luật Dân sự, nên được chấp nhận. Số tiền lãi anh H phải trả cho chị T đối với tiền mua xe là: $230.000.000\text{đồng} \times 1,66\%/tháng \times 10\text{ tháng } 05\text{ ngày}$ (từ ngày 02-10-2019 đến ngày 07-8-2020) = 38.816.000đồng; đối với tiền vay là: $4.300.000\text{đồng} \times 0,83\%/tháng \times 10\text{ tháng } 03\text{ ngày}$ (từ ngày 04-10-2019 đến ngày 07-8-2020) = 360.500đồng.

[4.5] Riêng đối với phần yêu cầu về tiền lãi đã được nguyên đơn rút: Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự để đình chỉ xét xử.

[4.6] Với những nhận định, phân tích ở trên, có đủ cơ sở khẳng định: Toàn bộ yêu cầu khởi kiện (đã được thay đổi, rút một phần) của chị Nguyễn Thị TT; quan điểm giải quyết vụ án của Viện kiểm sát nhân dân huyện Ngọc Hồi đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, là có cơ sở, được chấp nhận. Tổng số tiền mà anh Cao H phải trả cho chị T là: $230.000.000\text{đồng} + 38.816.000\text{đồng} + 4.300.000\text{đồng} + 360.500\text{đồng} = 273.476.500\text{đồng}$.

[4.7] Trong quá trình tham gia tố tụng, anh Cao H - bị đơn đồng thời là người đại diện theo pháp luật của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - Công ty K H đề nghị chị T cho Công ty được thay vợ chồng anh H trả toàn bộ số tiền còn nợ; phương thức trả nợ như các bên đã thỏa thuận tại phiên hòa giải vào ngày 21-5-2020. Tuy nhiên, tại phiên tòa, anh H vắng mặt, trong khi chị T không đồng ý với đề nghị của anh H. Do vậy, Hội đồng xét xử buộc anh H phải trả toàn bộ khoản nợ nêu trên cho nguyên đơn.

[4.8] Về nguồn gốc chiếc xe ô tô: Theo lời khai của các bên đương sự, chiếc xe này là của Công ty K H bàn giao cho chị Nguyễn Thị TT để cầm trả nợ. Do các bên đương sự không yêu cầu xem xét lại việc mua bán xe giữa nguyên đơn với vợ chồng bị đơn và việc bàn giao xe để cầm trả nợ giữa Công ty K H với chị T; nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[5] Về án phí: Toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận, nên bị đơn – anh Cao H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm với số tiền: $(273.476.500\text{đồng} \times 5\%) = 13.673.800\text{ đồng}$. Chị Nguyễn Thị TT không phải chịu án phí sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 92, Điều 144, Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, các Điều 244, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 280, khoản 2 Điều 357, các Điều 430, 440, 453, 463, 466 và 468 của Bộ luật Dân sự;

Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội và danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án ban H kèm theo Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016;

Xử:

1. Đình chỉ xét xử sơ thẩm một phần yêu cầu khởi kiện về tiền lãi đã được nguyên đơn - chị Nguyễn Thị TT rút.

2. Chấp nhận phần yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị TT về việc: Buộc anh Cao H trả tiền mua xe ô tô, tiền vay còn nợ và tiền lãi của các khoản tiền này.

- Buộc anh Cao H phải trả cho chị Nguyễn Thị TT tổng số tiền 273.476.500đồng (*hai trăm bảy mươi ba triệu, bốn trăm bảy mươi sáu nghìn, năm trăm đồng*), trong đó: Tiền mua xe ô tô còn nợ là 230.000.000đồng, tiền lãi của số tiền mua xe ô tô là 38.816.000đồng; tiền vay còn nợ là 4.300.000đồng, tiền lãi của số tiền vay là 360.500đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, nếu chị Nguyễn Thị TT có đơn yêu cầu thi H án mà anh Cao H không trả đủ số tiền nêu trên thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Mức lãi suất chậm trả là 10%/năm.

2. Về án phí:

- Buộc anh Cao H phải nộp 13.673.800 đồng (*mười ba triệu, sáu trăm bảy mươi ba nghìn, tám trăm đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn trả cho chị Nguyễn Thị TT số tiền 6.091.000 (*sáu triệu, không trăm chín mươi mốt nghìn đồng*) đã nộp tạm ứng án phí theo Biên lai thu tiền số AA/2016/ 0000472 ngày 11-12-2019 của Chi cục Thi H án dân sự huyện Ngọc Hồi.

3. Về kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (07-8-2020), nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án theo thủ tục phúc thẩm. Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

4. Trường hợp bản án được thi H theo quy định tại Điều 2 Luật Thi H án dân sự thì người được thi H án dân sự, người phải thi H án dân sự có quyền thỏa thuận thi H án, quyền yêu cầu thi H án, tự nguyện thi H án hoặc bị cưỡng chế thi

H án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 của Luật Thi H án dân sự; thời hiệu thi H án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi H án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND t. Kon Tum;
- VKSND h. Ngọc Hồi;
- Các đương sự;
- Chi cục THA h. Ngọc Hồi;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Phan Trường Thọ